

Bình Dương, ngày 8 tháng 4 năm 2019

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

#### **1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần thép Pomina
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700321364 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2008, đã đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 8 năm 2010.
- Vốn điều lệ: 2,433,449,520,000VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2,433,449,520,000VND.
- Mã cổ phiếu : POM

#### **2. Quá trình hình thành và phát triển:**

Được thành lập vào ngày 17/08/1999 với vốn điều lệ là 42 tỷ đồng, Công ty TNHH Thép Pomina không ngừng nỗ lực cùng cố và phát triển để trở thành một công ty sản xuất cung ứng thép xây dựng hàng đầu tại Việt Nam, hướng đến việc hoàn thiện dịch vụ, tăng khả năng cạnh tranh nhằm thỏa mãn cao nhất yêu cầu của khách hàng.

Tiền thân của Công ty TNHH Thép Pomina là Nhà máy Thép Pomina 1 do Công ty TNHH Thép Việt sáng lập và đầu tư xây dựng.

#### **Nhà máy Thép Pomina 1**

Năm 1999, trong bối cảnh quá trình công nghiệp hóa đang diễn ra với tốc độ nhanh, hàng loạt các công trình xây dựng đòi hỏi một sản phẩm thép chất lượng cao đảm bảo cho sự bền vững cho các công trình mang tầm vóc thời đại, đứng trước yêu cầu cấp bách đó, Hội đồng Quản trị Công ty TNHH Thép Việt đã quyết định đầu tư xây dựng Nhà máy Thép Pomina 1 với công suất 300.000 tấn/năm và đưa vào sản xuất đầu năm 2002. Tổng số vốn đầu tư: 525 tỷ đồng. Máy móc thiết bị được sản xuất bởi Công ty VAI-Pomini (Ý).

Nhà máy có khả năng sản xuất tất cả các chủng loại thép xây dựng theo các tiêu chuẩn của Nhật Bản, Mỹ, EU, Nga, ... nhờ đó Nhà máy Pomina đã chiếm lĩnh thị phần lớn trong phân khúc các công trình trọng điểm của đất nước nhờ vào độ tin cậy về chất lượng.

Thêm vào đó, đội ngũ CBCNV trẻ năng động đã được đưa đi đào tạo tại Ý và chuyên gia Ý thực hiện đào tạo tiếp tục tại Việt Nam cũng đã phát huy năng lực trong vận hành sản xuất.

Hệ thống phân phối của Công ty trải dài từ Bắc vào Nam do Công ty TNHH Thép Việt quản lý đã nhanh chóng đưa Thép Pomina là một trong những địa chỉ quen thuộc nhất của ngành thép ngay từ năm đầu tiên sản xuất.



Từ những yếu tố trên, ngay trong năm đầu tiên nhà máy đã có lãi và đạt công suất thiết kế vào năm thứ 2 của dự án.

### ***Xây dựng dàn cán Thép 2 trực thuộc Nhà máy Pomina 1***

Đáp ứng nhu cầu thị trường, Nhà máy 1 liên tục chạy hết công suất, trước tín hiệu khả quan đó, dàn cán thép 2 tiếp tục được bắt đầu xây dựng vào năm 2003 và bắt đầu đi vào sản xuất vào năm 2005, với công suất 300.000 tấn/năm, nâng tổng công suất lên 600.000 tấn/năm, với tổng vốn đầu tư 2 dàn cán là 68 triệu USD (tương đương 1.100 tỷ đồng).

Nhà máy được cung cấp bởi Công ty SIMAC (Ý), và có thể sản xuất tất cả các tiêu chuẩn và chủng loại thép xây dựng từ D14 trở lên, ngoài ra, dàn cán thép 2 còn sản xuất thép hình các loại như U, I, V, H.

Đến năm 2006, dàn cán thép 2 đã đạt 100% công suất thiết kế.

### ***Công ty Cổ phần Thép Pomina***

Đến ngày 17/07/2008, công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thép Pomina với số vốn điều lệ là 500 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Thép Pomina tăng vốn điều lệ lên 820 tỷ đồng vào tháng 7/2009 bằng việc phát hành riêng lẻ.

Tháng 7/2009 Công ty Cổ phần Thép Pomina chính thức thành lập Nhà máy luyện phôi thép, trên khu đất 46 hecta, tại KCN Phú Mỹ, Bà Rịa Vũng Tàu, tổng vốn đầu tư 1.379 tỷ đồng, (trong đó vốn chủ sở hữu 495 tỷ - vốn vay 884 tỷ đồng), với công suất của dự án là: luyện 1 triệu tấn phôi và cán 0,5 triệu tấn thép xây dựng. Dự án đã đi vào sản xuất vào cuối năm 2010.

Ngày 31/08/2009, Công ty Cổ phần Thép Pomina đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận về việc đăng ký trở thành Công ty đại chúng.

Trong tháng 12/2009, được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Cổ phần Thép Pomina phát hành riêng lẻ cho (1) các cổ đông Công ty Cổ phần Thép Việt nhằm sở hữu 99.5% Thép Việt với quy mô 0,5 triệu tấn phôi luyện và 0,5 triệu tấn thép cán; và (2) các nhà đầu tư tổ chức; nâng vốn điều lệ lên 1.630 tỷ đồng.

Ngày 07/4/2010, Công ty Cổ phần Thép Pomina chính thức niêm yết trên Sàn Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM với mã cổ phiếu là POM.

Tháng 8 năm 2010, Công ty TNHH Thương mại Thép Pomina được thành lập với số vốn điều lệ của công ty là 100 tỷ VND, trong đó, Công ty Thép Pomina góp 50 tỷ VND tương đương 50% vốn điều lệ, Công ty mẹ Thép Việt góp 50 tỷ VND tương đương 50% vốn điều lệ. Văn phòng của ông ty liên doanh được đặt tại 289 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động chính là bán buôn sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm, phôi thép, thép hình, phế liệu, phế thải kim loại và bán lẻ vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, sau 4 năm hoạt động, Công ty TNHH Thương mại Thép Pomina kinh doanh không hiệu quả. Vì thế, tháng 11-2014, Hội Đồng Quản Trị đã quyết định thoát vốn 100% trong công ty liên doanh này.



Đầu năm 2011, Pomina đã khởi công xây dựng nhà máy luyện phôi thép (Pomina 3) công suất 1 triệu tấn năm tại KCN Phú Mỹ và đã đưa vào sản xuất chính thức Quý 4 năm 2012. Tính đến thời điểm 2013, Pomina là nhà máy thép lớn nhất Việt Nam với tổng công suất của Pomina là:

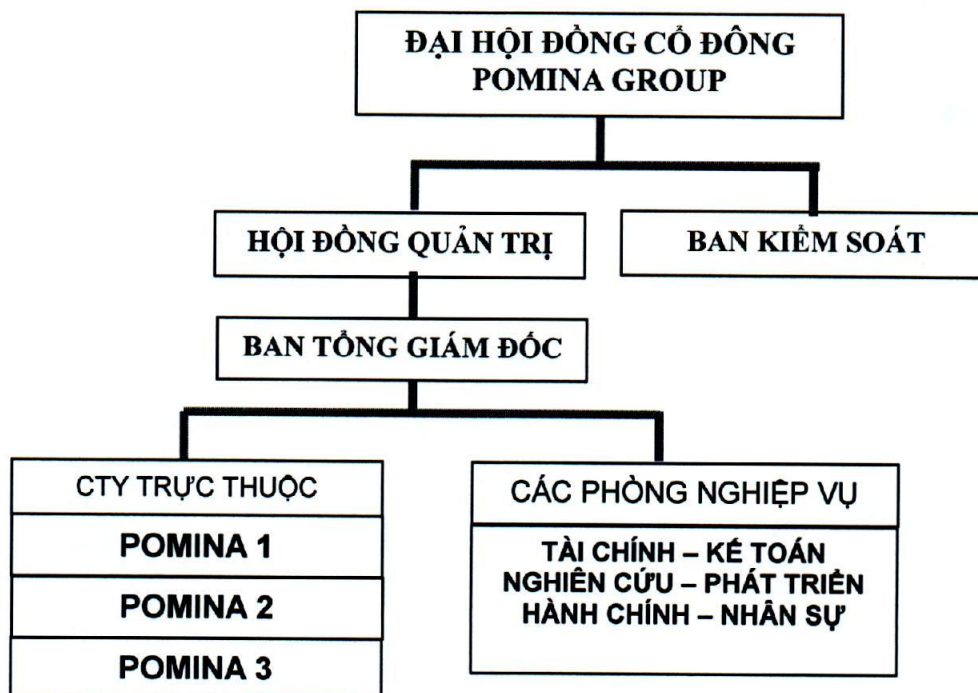
- Công suất luyện phôi thép: 1,5 triệu tấn
- Công suất cán thép xây dựng: 1,1 triệu tấn

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh:
  - Sản xuất sắt, thép, gang;
  - Tái chế phế liệu kim loại : hoạt động tại chi nhánh (nhà máy luyện phôi thép), không hoạt động tại trụ sở chính;
  - Kinh doanh các sản phẩm từ thép.
- Địa bàn kinh doanh: Phạm vi cả nước, nhưng chủ yếu là các tỉnh phía Nam và xuất khẩu sang Campuchia.

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý :**

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ POMINA GROUP**





Công ty con, công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con
Chi nhánh POMINA 1	Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất: cán thép	Trực thuộc	100%
Chi nhánh POMINA 3	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Sản xuất: luyện và cán thép	Trực thuộc	100%
Công ty con POMINA 2	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Sản xuất: luyện và cán thép, đầu tư khai thác các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật.	800 Tỷ	99.5%

**5. Định hướng phát triển năm 2019:**

- A. Khai thác hết công suất hiện có
- B. Đẩy nhanh để đưa 3 dự án đang triển khai theo đúng kế hoạch
- C. Triển khai dự án tôn giai đoạn 2 và tiến hành tăng vốn bằng cổ phần hóa.

**6. Các rủi ro:**

- a. Thị trường tăng trưởng mạnh nhưng cũng có sự tham gia của một số nhà sản xuất mới
- b. Rủi ro về tỷ giá hối đoái và lãi suất vay dài hạn còn cao

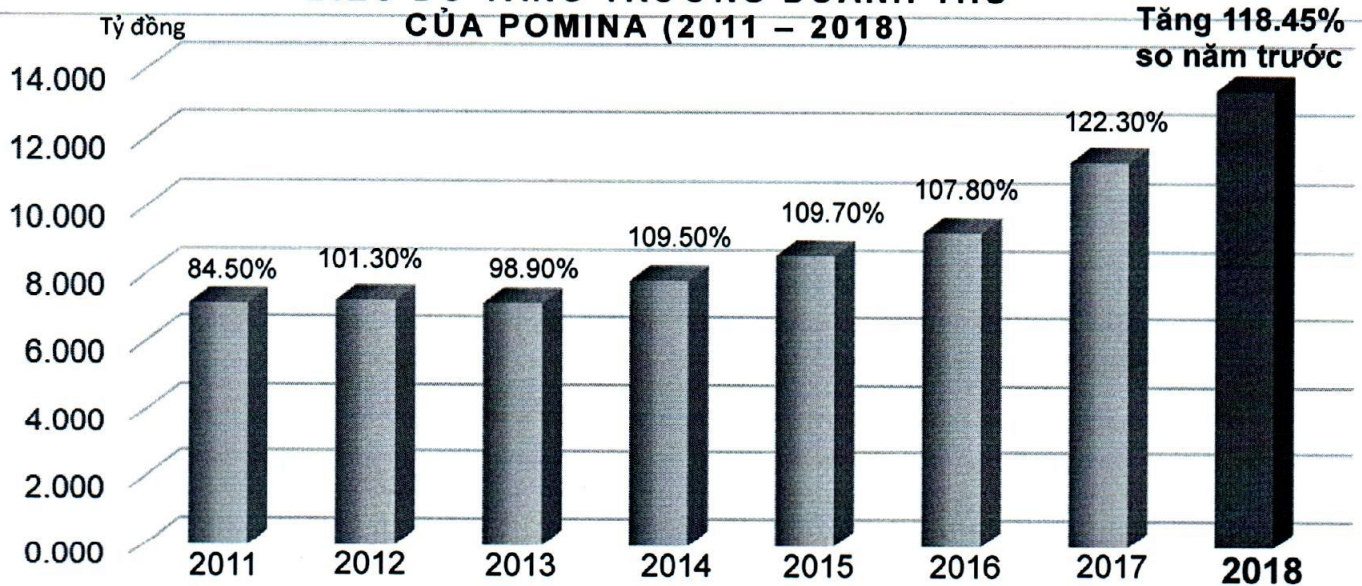
**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018**

Nhìn chung, tình hình sản xuất kinh doanh các sản phẩm thép của cả nước trong năm 2018 đều tăng so với năm 2017. Riêng mặt hàng thép xây dựng, sản xuất năm 2017 đạt 9,2 tấn, năm 2018 sản xuất đạt 10,0 triệu tấn, tăng 9,4% - tiêu thụ 9,99 triệu tấn, tăng 9,6%.

Trong xu thế tăng trưởng chung của thị trường, sản xuất kinh doanh Thép Pomina được đẩy mạnh và đạt mức tăng trưởng doanh thu 118,45% so năm 2017 – tăng trưởng cao gấp 2 lần mức tăng bình quân chung của cả nước.

**BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG DOANH THU CỦA POMINA (2011 – 2018)**





Từ nguyên nhân trên đưa đến lợi nhuận của Công ty đạt 433,6 tỷ đồng.

	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ %
Doanh thu thuần (đồng)	12.500.000.000.000	13.467.326.309.643	107.74
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	500.000.000.000	433.645.942.031	86.80
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	4.0%	3.22%	
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	15.0%	11.39%	
Cổ tức	20%	-	

**2. Tổ chức và nhân sự**

- Danh sách Ban điều hành:

Họ & Tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Đỗ Tiến Sĩ	Tổng Giám đốc	6,649,999 cp # 2,7%
Nguyễn Nhật Trường	Kế toán trưởng	0

- Những thay đổi trong ban điều hành: không có.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 1.401 người.
- Thay đổi trong chính sách đối với người lao động: không có.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

A. Dự án lò cao: đã thực hiện 734.987.124.710 tỷ / Tổng vốn đầu tư dự kiến 1.478 tỷ đồng

B. Các công ty con, công ty liên kết:

Dự án tôn: đã thực hiện 1.308.562.985.383 tỷ / Tổng vốn đầu tư dự kiến 4.989 tỷ đồng

**4. Tình hình tài chính**

**a) Tình hình tài chính**

	2017	2018	2018 / 2017
Tổng giá trị tài sản	7.662.793.464.116	11.007.679.579.811	1,44
Doanh thu thuần	11.369.574.627.892	13.467.326.309.643	1,18
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	758.346.878.019	439.264.623.526	0,57
Lợi nhuận khác	(8.708.958.308)	15.718.716.395	
Lợi nhuận trước thuế	749.637.919.711	454.983.339.921	0.60
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	696.233.669.231	432.295.832.112	0,62

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Đvt	2016	2017	2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1.09	1.23	1.05



TSLĐ/Nợ ngắn hạn				
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0.69	0.77	0.62
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn				
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	62.07	56	65.43
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	163.63	127.25	189.26
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	5.74	5.27	4.64
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1.32	1.48	1.22
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3.24	6.14	3.22
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4.28	9.11	3.94
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn góp bình quân	%	16.09	37.22	17.82
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	11.28	20.69	11.40
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3.45	6.14	3.26

**1. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a) Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: **243,344,952** cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **243,344,952** cp
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: Không có
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: không có

**b) Cơ cấu cổ đông:**

Căn cứ theo danh sách cổ đông chốt ngày 4-4-2019, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

2019	1. Cổ đông VN			2. Cổ đông nước ngoài			TỔNG CỘNG		
	SỐ CĐ	SỐ CP	TỶ LỆ	SỐ CĐ	SỐ CP	TỶ LỆ	SỐ CĐ	SỐ CP	TỶ LỆ
A. Cổ đông pháp nhân	31	134,699,231	55.4%	11	283,097	0.1%	42	134,982,328	55.5%
B. Cổ đông cá nhân	986	89,349,552	36.7%	29	19,013,072	7.8%	1,015	108,362,624	44.5%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1,017</b>	<b>224,048,783</b>	<b>92.1%</b>	<b>40</b>	<b>19,296,169</b>	<b>7.9%</b>	<b>1,057</b>	<b>243,344,952</b>	<b>100.0%</b>

Phân loại khác:

	SỐ CĐ	SỐ CP	TỶ LỆ	GHI CHÚ
Cổ đông sáng lập	1	129,653,475	53.28%	Công ty TNHH TM và SX Thép Việt
Cổ đông Nhà nước	0	0	0	
Cổ đông lớn (tỷ lệ sở hữu trên 5%)	1	129,653,475	53.28%	Công ty TNHH TM và SX Thép Việt
<b>CÓ PHIẾU QUỸ</b>		1,132,790	0.60%	



**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

-Vốn góp tăng trong năm: 558.950.010.000 đồng (phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức)

**d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 1.132.790 cp
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: không có.

**e) Các chứng khoán khác: không có.****III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh****A. Thuận lợi năm 2018:**

- Tiêu thụ thép cả nước tiếp tục tăng trưởng mạnh, POM đã khai thác gần toàn dụng công suất thiết kế
- Khấu hao và chi phí tài chính giảm giúp cho Công ty hạ giá thành, nâng cao sức cạnh tranh.
- Chất lượng sản phẩm của Pomina luôn giữ ổn định, góp phần củng cố uy tín thương hiệu Pomina trên thị trường.

**B. Khó khăn năm 2018:**

- Nhu cầu về thép có cải thiện mạnh nhưng nguồn cung cũng gia tăng mạnh, gây áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt.
- Thị trường ngành thép thế giới vẫn luôn biến động, có ảnh hưởng rất lớn đến thị trường thép tại VN

**2. Tình hình tài chính****a- Tình hình tài sản**

- Tình hình biến động tài sản:

Nội dung	Tăng	Giảm	Nguyên giá TSCĐ
<b>Tại thời điểm 31/12/17</b>			<b>4.991.969.331.964</b>
o Mua tài sản trong năm	48.177.197.369		
o Xây dựng hoàn thành	5.135.488.876		
o Thanh lý tài sản		2.690.546.808	
<b>Tại thời điểm 31/12/18</b>			<b>5.042.591.471.401</b>

**Tình hình công nợ:**

- **Tình hình nợ phải thu:**

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ %	Quá hạn
Phải thu khách hàng	2.110.201.496.024	2.496.792.660.336	18.32	0
Các khoản phải thu khác	58.305.284.019	284.603.780.315	388.13	0

- **Tình hình nợ phải trả**



Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ % (tăng/giảm)
1.Nợ ngắn hạn	<b>4.173.898.154.886</b>	<b>6.362.523.209.624</b>	52.44
Trong đó: - Vay ngắn hạn	3.674.091.762.027	5.262.247.533.102	43.23
- Phải trả người bán	267.186.954.737	521.886.523.933	95.33
- Chi phí phải trả	17.555.095.294	112.758.156.839	542.31
2.Nợ dài hạn	<b>116.955.288.554</b>	<b>839.742.717.853</b>	618.00
Trong đó: Vay dài hạn	116.955.288.554	839.742.717.853	

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ % (tăng/giảm)
-Chi phí lãi vay	189.126.622.194	214.152.220.670	13.23
-Chi phí lãi trả chậm	-	-	-
-Chi phí sử dụng vốn vay	-	-	-
-Lỗ tỷ giá hối đoái	11.303.996.155	13.553.342.242	19.90
-Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	11.402.985.380	-	-
Cộng chi phí tài chính	<b>211.833.603.729</b>	<b>227.705.562.912</b>	7.49

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Hiện nay về cơ cấu tổ chức đã đi vào ổn định, các chính sách quản lý chủ yếu hướng vào giảm chi phí sản xuất
- Kế hoạch phát triển từ nay đến năm 2020:
  - Dự án lò cao 800 ngàn tấn/năm, đưa vào hoạt động đầu năm 2010 (Tổng vốn đầu tư 65triệu usd)
  - Dự án mạ màu 600 ngàn tấn/năm, đưa vào hoạt động giai đoạn 1 tháng 04/2019 (tổng vốn đầu tư 60 triệu usd)
  - Dự án cán 500 ngàn tấn/năm, đưa vào hoạt động năm 2020 (tổng vốn đầu tư 50 triệu usd)
- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- ❖ Năm 2018, tiêu thụ thép cả nước tiếp tục tăng trưởng mạnh, POM đã khai thác gần toàn dụng công suất thiết kế, giữ vững thị phần 14% trên phạm vi cả nước, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu chiếm 23,08% doanh thu so năm 2017 chiếm 15,30% doanh thu.
- ❖ Chi phí tài chính, chi phí khấu hao và chi phí sản xuất ngày càng giảm



Từ các yếu tố nêu trên giúp cho lợi nhuận năm 2018 đạt 432,2 tỷ.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

- Chấp hành đúng các quyết nghị của Hội đồng quản trị.
- Chăm lo tốt đời sống của công nhân viên
- Công tác quan hệ khách hàng, mở rộng nguồn hàng đặc biệt là chủ trương của Tổng Thực hiện tốt chính sách tiết kiệm chống lãng phí trong sản xuất của công ty

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2019:**

	<b>Kế hoạch 2019</b>	<b>Thực hiện 2018</b>
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	13.500	13.467
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	400	433,6
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	3.0%	3.2%
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	11.6%	11.4%
Cổ tức	15% VDL	15% VDL

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

<b>S T T</b>	<b>Họ &amp; tên</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết</b>	<b>Thành viên độc lập / không điều hành</b>	<b>Thành viên HĐQT của công ty nắm giữ chức danh tại các DN khác</b>
1	Đỗ Xuân Chiêu	1.435.200 cp # 0.59%		
2	Đỗ Tiến Sĩ	6.649.999 cp # 2.73%		
3	Đỗ Thị Kim Cúc	7.059.360 cp # 2.90%	Thành viên không điều hành	
4	Đỗ Văn Khánh	717.600 cp # 0.29%		
5	Đỗ Duy Thái	130.409.475 cp # 53.6%	(Đại diện cổ đông sáng lập)	Chủ tịch HĐQT Cty TNHH Thép Việt
6	Võ Thị Thu Hiền	0	Thành viên độc lập	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2018:



STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Đỗ Xuân Chiêu	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Ông Đỗ Duy Thái	PCT. HĐQT	4/4	100%	
3	Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
4	Bà Đỗ Thị Kim Cúc	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
5	Ông Đỗ Văn Khánh	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
6	Bà Võ Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	3/4		Tham gia HĐQT 5/2018

Hàng quý họp soát xét tình hình hoạt động kinh doanh, chỉ đạo, tháo gỡ về chính sách giúp Ban Tổng Giám Đốc đối phó tình hình khó khăn hiện nay

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: chuẩn bị hình thành bộ phận Kiểm toán Nội Bộ trực thuộc HĐQT.
- e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có.

## 2. Ban Kiểm soát

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ & tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Trần Tô Từ	3.737 cp # 0.002%
2	Nguyễn Bạch Trường Chinh	3.179.628 cp # 1.31%
3	Đỗ Hoàn Mỹ	175.427 cp # 0.07%

- b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- HĐQT và Ban TGD đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý cũng như trong các giao dịch. Các thành viên HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông,
- Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty,
- Các Biên bản họp, nghị quyết của HĐQT có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp hoặc các thành viên được ủy quyền dự họp.
- Các Nghị quyết của HĐQT đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở Biên bản họp HĐQT hoặc Biên bản lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và đúng với thẩm quyền quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty,
- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều tập trung vào việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 và được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Ban TGD.



- Các quyết định của Ban TGD đều được ban hành một cách hợp pháp, đúng thẩm quyền và kịp thời, các quyết định vượt thẩm quyền của Ban TGD đều được trình HĐQT và được HĐQT phê duyệt bằng nghị quyết,
- Các Hợp đồng kinh tế quan trọng của Công ty trong năm 2018 đều được ký kết trên cơ sở hợp pháp, đảm bảo quyền lợi của Công ty và các cổ đông.
- Báo cáo tài chính năm 2018 tại công ty mẹ Pomina và tại công ty con Pomina 2 đã được kiểm toán và phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả kinh doanh trong năm tài chính 2018, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành và không có bất kỳ sự ngoại trừ nào.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát: không có
- Cho Tổng Giám đốc: 1.656.948.106 đ/năm

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết theo Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26-7-2012 của Bộ Tài Chính.

**VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH : (đã được kiểm toán)**



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13,467,945,588,843	11,383,653,585,528
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	619,279,200	14,078,957,636
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13,467,326,309,643	11,369,574,627,892
4. Giá vốn hàng bán	12,694,315,825,780	10,265,817,003,024
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	773,010,483,863	1,103,757,624,868
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22,410,448,302	7,544,591,342
7. Chi phí tài chính	227,705,562,912	211,833,603,729
8. Trong đó, chi phí lãi vay	214,152,220,670	189,126,622,194
9. Chi phí bán hàng	33,299,006,296	26,627,814,468
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	95,151,739,431	114,493,919,994
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	439,264,623,526	758,346,878,019
12. Thu nhập khác	30,820,748,505	5,484,422,532
13. Chi phí khác	15,102,032,110	14,193,380,840
14. Lợi nhuận khác	15,718,716,395	(8,708,958,308)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	454,983,339,921	749,637,919,711
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23,516,845,750	51,982,179,360
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2,179,447,860)	(47,194,803)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	433,645,942,031	697,702,935,154
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	432,295,832,112	696,233,669,231
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	1,350,109,919	1,469,265,923
21. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	1,785	2,874



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	454,983,339,921	749,637,919,711
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	214,576,441,822	240,966,710,581
Các khoản dự phòng	(8,775,845,268)	43,855,977,550
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(1,073,936,980)	359,475,226
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(15,996,969,786)	4,351,710,281
Chi phí lãi vay	214,152,220,670	189,126,622,194
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	<b>857,865,250,379</b>	<b>1,228,298,415,543</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	(711,758,315,423)	(489,267,066,341)
Tăng, giảm hàng tồn kho	(787,976,820,752)	(314,547,292,435)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	667,003,684,867	(3,290,045,110)
Tăng giảm chi phí trả trước	980,471,183	(13,451,893,193)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	-	(186,636,345,109)
Tiền lãi vay đã trả	(205,628,884,073)	(36,948,031,376)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(41,288,679,673)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(220,803,293,492)</b>	<b>184,157,741,979</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2,087,082,688,885)	(163,608,339,720)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	32,238,056,739	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	903,719,198	422,308,914
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(2,053,940,912,948)</b>	<b>(163,186,030,806)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1. Tiền thu từ đi vay	16,518,274,410,650	11,597,764,509,050
2. Tiền trả nợ gốc vay	(14,257,751,210,276)	(11,700,293,931,862)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>2,260,523,200,374</b>	<b>(102,529,422,812)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(14,221,006,066)</b>	<b>(81,557,711,639)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>158,164,302,074</b>	<b>239,684,165,811</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(645,742,459)	37,847,902
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>143,297,553,549</b>	<b>158,164,302,074</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2018

<b>TÀI SẢN</b>	<b>1/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>6,674,496,825,659</b>	<b>5,153,756,368,797</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>143,297,553,549</b>	<b>158,164,302,074</b>
1. Tiền	143,297,553,549	158,164,302,074
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>3,361,571,918,510</b>	<b>2,740,316,101,328</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2,496,792,660,336	2,110,201,496,024
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	602,147,402,859	604,262,313,455
3. Phải thu ngắn hạn khác	284,603,780,315	58,305,284,019
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21,971,925,000)	(32,452,992,170)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>2,735,778,165,629</b>	<b>1,949,506,566,779</b>
1. Hàng tồn kho	2,737,483,387,531	1,949,506,566,779
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1,705,221,902)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>433,849,187,971</b>	<b>305,769,398,616</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	24,979,454,179	24,181,829,568
2. Thuế GTGT được khấu trừ	405,672,931,032	278,016,480,996
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	3,196,802,760	3,571,088,052
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>4,333,025,258,261</b>	<b>2,509,037,095,319</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>81,251,632,246</b>	<b>80,010,000,000</b>
Phải thu dài hạn khác	81,251,632,246	80,010,000,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>2,093,215,788,505</b>	<b>2,255,530,191,051</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	2,090,769,265,218	2,251,493,888,356
Nguyên giá	5,042,591,471,401	4,991,969,331,964
Giá trị hao mòn lũy kế	(2,951,822,206,183)	(2,740,475,443,608)
2. Tài sản cố định vô hình	2,446,523,287	4,036,302,695
Nguyên giá	14,406,504,484	14,406,504,484
Giá trị hao mòn lũy kế	(11,959,981,197)	(10,370,201,789)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	-	<b>51,500,648,889</b>
1. Nguyên giá	-	58,685,776,573
2. Giá trị hao mòn lũy kế	-	(7,185,127,684)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>2,068,739,634,861</b>	<b>32,579,404,796</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2,068,739,634,861	32,579,404,796
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11,402,985,380	11,402,985,380
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(11,402,985,380)	(11,402,985,380)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>89,818,202,649</b>	<b>89,416,850,583</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	87,591,559,986	89,369,655,780
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2,226,642,663	47,194,803
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>11,007,522,083,920</b>	<b>7,662,793,464,116</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2018

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>7,202,108,431,586</b>	<b>4,290,853,443,440</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>6,362,365,713,733</b>	<b>4,173,898,154,886</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	521,886,523,933	267,186,954,737
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	28,703,262,352	29,960,550,480
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1,670,384,266	19,019,611,283
4. Phải trả người lao động	16,197,561,788	13,043,321,011
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	417,975,508,083	150,954,900,327
9. Phải trả ngắn hạn khác	163,178,156,839	17,555,095,294
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5,211,827,533,102	3,674,091,762,027
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	926,783,370	2,085,959,727
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>839,742,717,853</b>	<b>116,955,288,554</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	839,742,717,853	116,955,288,554
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>3,805,413,652,334</b>	<b>3,371,940,020,676</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>3,805,413,652,334</b>	<b>3,371,940,020,676</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	2,433,449,520,000	1,874,499,510,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	2,433,449,520,000	1,874,499,510,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	35,000,000,000	35,000,000,000
3. Cổ phiếu quỹ	(31,347,567,000)	(31,347,567,000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	701,430,066,244	701,430,066,244
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	658,238,139,762	785,064,628,023
6. LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	225,942,307,650	88,830,958,792
7. LNST chưa phân phối kỳ này	432,295,832,112	696,233,669,231
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	8,643,493,328	7,293,383,409
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>11,007,522,083,920</b>	<b>7,662,793,464,116</b>

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA  
CHỦ TỊCH**



**ĐỖ XUÂN CHIÊU**

*Ý kiến của kiểm toán :*



**RSM Vietnam**

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3  
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026  
F +848 3827 5027

[www.rsm.global/vietnam](http://www.rsm.global/vietnam)

Số: 19.143HN/BCKT-RSM HCM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Pomina (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2019 từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Pomina và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 12 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm trong đó trình bày về các thông tin có liên quan đến lô hàng có chứa chất cấm được nhập cảng Tân Cảng Cái Mép Thị Vải vào ngày 24 tháng 07 năm 2018. Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty đánh giá không có ảnh hưởng tài chính từ vấn đề này. Vấn đề cần nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**KÝ TƯỢNG GIÁM ĐỐC**



**Lục Thị Vân**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0172-2018-026-1

**Nguyễn Thụy Nhã Vy**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1875-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*